

Bản án số: 579 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/06/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

Ông Nguyễn Bảo Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Bà Nguyễn Thị Linh Trang - KSV

Ngày 29 tháng 06 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 783/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/06/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị B**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: **87/17 đường B, phường G, quận T, TP Hồ Chí Minh**

- Bị đơn: Ông **Nguyễn N**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **270B/28/22/5 đường L, phường F, quận T, TP Hồ Chí Minh**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà **Trịnh Thị B** trình bày: Bà và ông **Nguyễn N** chung sống có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 54/1998 ngày 10/8/1998 tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**. Mâu thuẫn phát sinh sau vài tháng kết hôn do ông **N** thường xuyên say xỉn, đánh đập bạo hành bà, không quan tâm gia đình, không có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái, ông **N** thường xuyên có những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm bà và gia đình bà, làm ảnh hưởng đến danh dự của bà. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2019. Nay bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung : Có hai con chung tên

1, **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh ngày 17/04/1998 (Đã trưởng thành)

2, **Nguyễn Thị Kim N1**, sinh ngày 12/10/2008

Bà yêu cầu được nuôi **Nguyễn Thị Kim N1**, yêu cầu ông **N** cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/ tháng.

- Về tài sản chung : Tự thỏa thuận
- Về nợ chung : Không có

Bị đơn - ông **Nguyễn N** trình bày: Ông và bà **B** chung sống có đăng ký kết hôn, khoảng 2 năm gần đây vợ chồng ông mâu thuẫn về việc ông thường hay ăn nhậu, cãi vã, vợ ông đã ra ngoài thuê nhà ở riêng, nay ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ, thương con.

- Về con chung : Có hai con chung tên

- 1, **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh ngày 17/04/1998 (Đã trưởng thành)
- 2, **Nguyễn Thị Kim N1**, sinh ngày 12/10/2008

Nếu phải ly hôn ông yêu cầu được nuôi trẻ **Nguyễn Thị Kim N1**, sinh ngày 12/10/2008, về phần cấp dưỡng nuôi con bà **Bằng cấp dưỡng** bao nhiêu cũng được.

- Về tài sản chung : Tự thỏa thuận
- Về nợ chung : Không có

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, về con chung yêu cầu được nuôi trẻ **Nguyễn Thị Kim N1**, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông **Nguyễn N** vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục, Tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về phần nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà **Trịnh Thị B** yêu cầu được ly hôn đối với ông **Nguyễn N** có nơi cư trú tại số 270B/28/22/5 đường **L, phường F, quận T, TP Hồ Chí Minh**. Xét việc khởi kiện của bà **B** phù hợp với qui định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 54/1998 ngày 10/8/1998 tại Ủy ban nhân dân xã **Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi** thì quan hệ giữa bà **B** và ông **N** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của bà **B**, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo bà **B** trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn do ông **N** thường xuyên say xỉn, đánh đập bạo hành bà, ông **N** cũng thừa nhận ông thường xuyên ăn nhậu, vợ chồng thường cãi vã, cả hai ly thân hơn hai năm nay. Nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, khả năng hàn gắn vợ chồng không có, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **B**.

Bà B và ông N có hai con chung tên: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 17/04/1998 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 12/10/2008. Ly hôn bà B yêu cầu được nuôi trẻ N1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông N yêu cầu được nuôi trẻ N1 việc cấp dưỡng nuôi con tùy khả năng của bà B. Nhận thấy trẻ N1 hiện đang ở với mẹ, nguyện vọng của trẻ N1 là muốn ở với mẹ, do đó chấp nhận yêu cầu của bà B về việc nuôi con, giao trẻ N1 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con vì bà B không có yêu cầu

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xét

Về nợ chung: Hai bên khai không có, Hội đồng xét xử không xét

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0031777 ngày 20/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị B

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị B được ly hôn với ông Nguyễn N.

- Về con chung: : Có hai con chung tên

1, Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 17/04/1998 (Đã trưởng thành)

2, Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 12/10/2008

Bà Trịnh Thị B trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 12/10/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn N vì bà Trịnh Thị B không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, Hội đồng xét xử không xét .

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **Trịnh Thị B** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà **B** đã nộp là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0031777 ngày 20/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- **UBND phường F, quận T;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

đã ký

Nguyễn Thị Hồng Vân

